TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 128/2021/DS-ST Ngày: 24-9-2021 *V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Nguyễn Hải Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định định đưa vụ án ra xét xử số 123/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Ngọc H, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 31, ngõ 155 phố An Dương, phường Y, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm 4 Hải Toàn, xã Hải An, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa anh H vắng mặt có lý do; anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22-4-2021, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Vũ Ngọc H trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết, anh H là người cùng quê với anh T nên tin tưởng nhau. Đầu tháng 01-2019, anh T có hỏi vay anh H 60.000.000đ để mở quán rửa xe ô tô. Ngày 09-01-2019, anh H cho anh T vay 60.000.000đ tiền mặt, anh T có đi đánh máy giấy vay tiền theo nội dung anh H nhắn tin, anh T ký tên người vay và đưa cho anh H giữ giấy vay gốc. Thời hạn vay ghi rõ trong giấy vay là 3 tháng kể từ ngày 09-01-2019 đến ngày 09-4-2019. Lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/tháng. Đến hạn trả nợ nhưng anh T chưa trả cả gốc và lãi cho anh H. Ngày 15-12-2019, anh H tiếp tục cho anh T vay số tiền gốc 80.000.000đ, do anh T nói anh cần tiền để trồng lan cảnh, anh H nhất trí cho anh T vay và chuyển tiền mặt số tiền 80.000.000đ cho anh T. Hai bên lập giấy vay tiền do anh T tự

viết và ký. Lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/tháng. Thời hạn vay thỏa thuận miệng là sau 30 ngày (từ ngày 15-12-2019 đến ngày 15-01-2020) anh T phải trả cả gốc và lãi cả khoản 60.000.000đ và khoản 80.000.000đ, tổng là 140.000.000đ tiền gốc và lãi tính từ ngày vay. Đến ngày 15-01-2020, anh H đòi nợ anh T nhiều lần nhưng anh T khất lần không trả nợ và tiếp tục khất nợ đến ngày 15-12-2020 (âm lịch). Đến nay anh T vẫn chưa trả cho anh H hai khoản vay trên. Nay anh H đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh T phải trả nợ cho anh H khoản nợ gốc của hai lần vay là 140.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 11-6-2021, ngày 19-8-2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Vũ Văn T trình bày: Anh T công nhận có vay tiền của anh H hai lần như anh H trình bày, tổng cộng 140.000.000đ tiền vay gốc. Lãi suất thỏa thuận miệng 3.000đ/1 triệu/1 ngày. Hai giấy vay tiền bản chính anh H nộp cho Tòa án, anh T công nhận đúng chữ viết và chữ ký của anh. Đối với khoản vay 60.000.000đ ngày 09-01-2019, anh T đã trả cho anh H cả gốc và lãi. Đối với khoản vay 80.000.000đ anh T không nhớ cụ thể đã trả cho anh H bao nhiêu tiền, anh T sẽ cung cấp chứng từ sao kê Ngân hàng cho Tòa án và hẹn trong thời hạn 5 ngày sau sẽ cung cấp tài liệu. Sau đó, anh T nộp đơn phản tố ngày 18-7-2021 với nội dung anh T đã trả cho anh H 5 lần tiền gốc và lãi là 640.000.000đ. Như vậy trừ đi khoản nợ gốc 140.000.000đ anh T còn đang nợ anh H thì anh T đã trả số tiền vượt quá cho anh H là 500.000.000đ. Do đó, anh T nộp đơn phản tố yêu cầu anh H phải trả lại 500.000.000đ. Tòa án đã gửi cho anh T nhận thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố, tuy nhiên, hết thời hạn ghi trong thông báo nhưng anh T không nộp tiền tạm ứng án phí. Tòa án đã ra thông báo về việc không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh T, anh T đã có lời khai nhất trí việc Tòa án không xem xét yêu cầu phản tố ..do hiện nay anh không có khả năng nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố của mình.

Tại bản tự khai ngày 19-8-2021, anh T có thay đổi lời khai về việc đã trả nợ cho anh H, cụ thể: Anh T xác định đã trả nợ cho anh H số tiền gốc 40.000.000đ của khoản vay gốc 60.000.000đ, còn lại 20.000.000đ gốc. Khoảng tháng 4-2020, anh T đem số tiền 200.000.000đ đến thị trấn Yên Định đưa cho người quen của anh H theo yêu cầu của anh H để trả nợ. Trong đó có trả cho anh H số tiền gốc 40.000.000đ của khoản vay 60.000.000đ ngày 09-01-2019, số tiền còn lại trả khoản nợ khác cho anh H. Anh T không rõ người mà anh T đưa tiền để trả cho anh H ở thị trấn Yên Định họ tên là gì, ở tổ dân phố số bao nhiêu, số điện thoại thì anh T hiện không còn lưu. Do tin tưởng anh H nên anh T không yêu cầu người nhận tiền viết giấy nhận tiền cho anh T giữ để làm căn cứ. Còn đối với khoản vay gốc 80.000.000đ thì anh T xác nhận là chưa trả anh H. Ngoài 2 khoản vay trên thì anh T còn vay anh H nhiều lần khác, vì anh H tính lãi cao nên anh T không còn khả năng theo lãi. Nên anh T chưa trả lãi cho anh H đối với cả hai khoản vay gốc 60.000.000đ và 80.000.000đ. Về tài liệu chứng cứ anh T cung cấp chứng minh cho việc đã trả cho anh H 40.000.000đ, anh T có nộp 18 tờ giấy in tin nhắn trong Zalo mà anh T nhắn tin với anh H. Tại trang 2 giấy in tin nhắn Zalo thì tin nhắn đến từ H người lạ có nội dung "Còn 1 giấy 80 và 1 giấy 60, Nhưng nợ trong giấy 60tr chỉ còn 20 thôi". Nay anh H khởi kiện đòi nợ anh

T hai khoản vay tổng số tiền vay gốc là 140.000.000đ, anh T không chấp nhận, do anh T đã trả được 40.000.000đ, chỉ còn 100.000.000đ tiền gốc. Về lãi, anh H không yêu cầu nên anh T không ý kiến gì. Anh T ý kiến do hiện nay anh đang khó khăn về kinh tế nên khi nào có điều kiện anh sẽ trả nợ 100.000.000đ cho anh H sau.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ đầy đủ văn bản tố tụng, giấy triệu tập phiên họp và phiên tòa cho anh H nhưng anh H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, xin vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa.

Tại phiên tòa:

Anh H vắng mặt có lý do, giữ nguyên yêu cầu là buộc anh T trả số tiền vay gốc là 140.000.000đ;

Anh T vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản, Quyết định tố tụng cho các đương sự, nguyên đơn anh Vũ Ngọc H vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H, anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét hai giấy vay tiền giữa anh Vũ Ngọc H và anh Vũ Văn T lập ngày 09-01-2019 và ngày 15-12-2019 và lời khai của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, có đủ cơ sở xác định ngày 09-01-2019, anh T có vay số tiền 60.000.000đ của anh H; ngày 15-12-2019 anh T vay tiếp số tiền 80.000.000đ của H là sự việc có thật và phù hợp pháp luật. Việc vay nợ giữa anh T và anh H được chứng minh bằng hai giấy biên nhận vay tiền ngày 09-01-2019 và 15-12-2019 có chữ viết và chữ ký của anh T người vay được anh T công nhận. Do đó, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh T công nhận có vay của anh H 2 khoản nợ gốc đúng như hai giấy vay tiền anh H đã nộp, tổng số tiền là 140.000.000đ. Nay anh H đòi 140.000.000đ tiền nợ gốc anh T chưa trả, anh T không chấp nhận toàn bộ. Theo anh T, anh đã trả cho anh H khoản nợ gốc 40.000.000đ đối với khoản vay 60.000.000đ ngày 09-01-2019, do đó, anh T chỉ công nhận đến nay anh còn nợ lại anh H 100.000.000đ tiền gốc. Anh H không chấp nhận việc anh T đã trả 40.000.000đ tiền gốc và vẫn giữ nguyên yêu cầu đòi nợ toàn bộ khoản vay gốc 140.000.000đ.

Xét các tài liệu, chứng cứ anh T xuất trình cho Tòa án chứng minh việc anh đã trả nợ cho anh H 40.000.000đ nợ gốc thì thấy:

Anh T trình bày khoảng tháng 4-2020, anh T đem số tiền 200.000.000đ đến thị trấn Yên Định đưa cho người quen của anh H theo yêu cầu của anh H để trả nợ. Trong đó có trả cho anh H số tiền gốc 40.000.000đ của khoản vay 60.000.000đ ngày 09-01-2019, số tiền còn lại trả khoản nợ khác cho anh H. Anh T không rõ người mà anh T đưa tiền để trả cho anh H ở thị trấn Yên Định họ tên là gì, ở tổ dân phố số bao nhiêu, số điện thoại thì anh T hiện không còn lưu và anh T cũng không yêu cầu người nhận tiền viết giấy nhận tiền với anh T để giữ làm căn cứ. Ngoài ra, anh T nộp cho Tòa án 18 tờ giấy in tin nhắn trong Zalo mà anh T cho rằng nhắn tin với anh H, tại trang 2 giấy in tin nhắn Zalo thì phần tin nhắn đến từ "H người lạ" có nội dung "Còn 1 giấy 80 và 1 giấy 60" nhưng nợ trong giấy 60tr chỉ còn 20 thôi". Đối với tên Zalo của người nhắn tin đến hiển thị "H người lạ" thì không thể xác định được họ tên đầy đủ của người này là gì, thông tin về năm sinh, địa chỉ cũng không thể hiện. Mặt khác, anh T không chứng minh được thông tin về số điện thoại của người có tên Zalo "H người lạ" hiển thị trên trang cá nhân của người này hay không để thể hiện sự trùng khớp với số điện thoại của nguyên đơn anh Vũ Ngọc H. Về nội dung tin nhắn không rõ ràng, từ ngữ viết tắt, không thể hiện chính xác việc trả nợ của khoản nợ nào và ngày tháng ghi khoản nợ trên tin nhắn zalo"H người lạ" không trùng ngày tháng trong giấy vay tiền gốc của hai khoản vay giữa anh Vũ Ngọc H và anh Vũ Văn T, bởi anh T còn công nhận ngoài 2 khoản vay trên thì anh còn vay của anh H nhiều lần khác. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không đề nghị xác minh đối với người nhận tiền tại thị trấn Yên định thay anh H và thông tin tin nhắn trên mạng zalo. Anh T cũng đã 2 lần thay đổi lời khai về quá trình trả nợ cho anh H đối với hai khoản vay 60.000.000đ ngày 09-01-2019 và 80.000.000đ ngày 15-12-2019. Nếu anh T đã trả cho anh H 40.000.000đ đối với khoản vay 60.000.000đ ngày 09-01-2019 thì tại sao anh T không yêu cầu anh H đối trừ số tiền đã trả để hủy giấy vay tiền ngày 09-01-2019 đối với khoản vay 60.000.000đ. Điều này chứng tỏ bản thân anh T cũng không chắc chắn về việc đã trả nợ cho anh H cụ thể như thế nào, thời gian trả nợ, số tiền trả bao nhiêu.

Từ những phân tích nêu trên có thể khẳng định lời khai của anh T về việc anh đã trả nợ cho anh H số tiền 40.000.000đ đối với khoản vay gốc 60.000.000đ ngày 09-01-2019 là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Anh H khai khi vay hai bên có thỏa thuận miệng về mức lãi suất là 1%/tháng, anh T khai hai bên thỏa thuận lãi suất 3.000đ/1 triệu/1 ngày nhưng quá trình vay anh T chưa trả được khoản lãi nào. Đến nay anh H không yêu cầu anh T phải trả lãi, anh T không ý kiến gì nên về lãi suất Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Như vậy, cần buộc anh Vũ Văn T phải trả cho anh Vũ Ngọc H số tiền nợ gốc 140.000.000đ là phù hợp với các Điều 166; 463; 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Anh T có nộp đơn xin miễn án phí, kèm theo các tài liệu thể hiện ông nội anh T là thương binh và là người có công với Nhà nước được tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba, bà nội anh T được tặng

thưởng Huy chương vì sự nghiệp giải phóng phụ nữ. Xét đơn đề nghị miễn án phí và các tài liệu chứng cứ anh T nộp kèm theo không thuộc trường hợp quy định được miễn, giảm án phí. Do đó, buộc anh Vũ Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho anh Vũ Ngọc H theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166; 463; 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

1. Xử chấp nhận yêu cầu của anh Vũ Ngọc H kiện đòi nợ đối với anh Vũ Văn T.

2. Buộc anh Vũ Văn T phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh Vũ Ngọc H số tiền nợ gốc 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng).

3. Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc anh Vũ Văn T phải nộp 7.000.000 (bảy triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho anh Vũ Ngọc H số tiền 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai số 0002649 ngày 03-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

4. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thúy Nga